

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82/2023/HSST**

Ngày: 25/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Chương**

Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Vũ Minh Đoan
2. Ông Nguyễn Quang Huy

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thu Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện X - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Thanh Hải - KSV.

Ngày 25/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự T lý số 84/2023/HSST ngày 01/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST - HS ngày 12/12/2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN KIM S (tên khác: Nguyễn Kim X), sinh năm 1967. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Kim E (đã chết), con bà Phan Thị C (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2021 (chưa xóa án tích). Ngày 08/12/2021, Tòa án nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2022 (chưa xóa án tích); Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2007, bị UBND huyện X, thành phố Hà Nội quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc (cai nghiện) 18 tháng. Ngày 06/07/2010, Tòa án nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/06/2012 (đã xóa án tích); Danh, chỉ bản số 180 lập ngày 02/08/2023 tại Công an huyện X, thành phố Hà Nội. Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/07/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

2. ĐẶNG VĂN V, sinh năm 1972. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn C; Con bà Trần Thị L; Có vợ là Phạm Thị Q và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 206 lập ngày 13/09/2023 tại Công an huyện X, thành phố Hà Nội. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội (có mặt).

Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện X, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Ông Dương Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Phạm Danh Q1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/7/2023, Nguyễn Kim S đi bộ từ nhà đến khu vực sân quán C1, thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội thì phát hiện thấy 01 chiếc xe đạp điện màu đỏ, đen nhãn hiệu BEFORE ALL 133S, không đeo BKS (Quá trình điều tra xác định là của bà Nguyễn Thị K, sinh năm:1962; HKTT: thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội) đang dựng ở sân quán, không khoá cổ, khoá càng nên S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Sau khi quan sát không thấy ai, S đã lấy chiếc xe đạp điện trên rồi dắt bộ đi dọc theo đường gom cao tốc hướng Hà Nam đi Hà Nội. Trên đường đi S đã gặp một người đàn ông không quen biết đi xe máy nhãn hiệu Honda Dream (không rõ BKS) và nhờ người này dùng dây thừng kéo xe đạp điện từ hầm chui cao tốc thuộc khu vực xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội đến cửa hàng sắt vụn của gia đình Đặng Văn V tại xã C, huyện T. Khi đến trước cửa quán, S gọi “*Chủ quán ơi*” thì V từ trong nhà đi ra và nói “*Có Việc gì*” thì S đáp “*Xem xe, xe vẫn đi được đấy, xe nhẩy được*”. V nhận thức được chiếc xe đạp điện mà S mang đến bán là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua, giữa V và S thống nhất giá bán chiếc xe trên là 1.000.000 đồng. Sau đó, V gọi vợ là chị Phạm Thị Q (SN: 1974; HKTT: thôn S, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội) từ trong nhà ra trả S số tiền 1.000.000 đồng. Vào buổi chiều cùng ngày, V đã bán chiếc xe đạp điện trên cho ông Dương Văn T (SN: 1968; HKTT: thôn Đ, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội) với giá 1.400.000 đồng, hưởng lợi số tiền 400.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S biết chiếc xe đạp điện trộm cắp được là của bà Nguyễn Thị K (là người có họ hàng của S) nên S đã nhờ anh Phan Viết C (SN: 1982; HKTT: thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội, là cháu họ của S) và anh Phạm Danh Q1 (SN: 1989; HKTT: thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội) là con trai của bà K đến gặp ông Dương Văn T mua lại chiếc xe trên với giá 1.500.000 đồng (Trong đó, anh Q1 bỏ ra số tiền 950.000 đồng, S bỏ ra số tiền 550.000 đồng). Sau đó, S mang trả lại cho bà K chiếc xe đạp điện trên và đến Công an xã T đầu thú.

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện X đã tạm giữ vật chứng gồm: 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu BEFOREALL 113S, số khung: VD03725, đã qua sử dụng do bà K tự nguyện giao nộp; 01 thẻ nhớ micro 64Gb bên trong chứa nội dung Video mua bán giữa Đặng Văn V và Nguyễn Kim S do Phạm Thị Q tự nguyện giao nộp; Số tiền 1.400.000 đồng do Đặng Văn V tự nguyện giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X, kết luận: ***“Xe đạp nhãn hiệu BEFORE ALL 113S, số khung VD03725, xe đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng”.***

Tại Cơ quan điều tra, S và V khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung như đã nêu trên.

Về dân sự:

- Ngày 28/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bà Nguyễn Thị K chiếc xe. Bà K sau khi nhận lại chiếc xe đạp điện không có yêu cầu đề nghị gì.

- Anh Phạm Danh Q1 không yêu cầu S bồi hoàn số tiền 950.000 đồng đã bỏ ra để mua lại chiếc xe đạp điện.

- Đặng Văn V tự nguyện giao nộp số tiền 1.400.000 đồng từ Việc bán xe đạp điện và không yêu cầu S phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng mà V đã trả cho S để mua chiếc xe đạp điện.

Bản cáo trạng số 78/CT - VKSTT ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, thành phố đã truy tố Nguyễn Kim S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố Đặng Văn V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố đối với các bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn.

- Người bị hại là bà Nguyễn Thị K giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Q giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, không yêu cầu trả lại tài sản là 01 thẻ nhớ Micro 64Gb bà đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

- Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cam kết lời khai trong quá trình điều tra.

- Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Danh Q1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cam kết lời khai trong quá trình điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng Điểm g khoản 2 Điều 173; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Kim S, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn V, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 cải tạo không giam giữ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Do các bị cáo đều làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.400.000 đồng bị cáo Đặng Văn V giao nộp vì đây là tiền bị cáo dùng để mua tài sản do phạm tội và thu lời bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát Viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q1, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo và Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội:

Xét Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; Phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như Kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ ngày 18/7/2023, tại khu vực sân quán Cự Đà 1 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội, Nguyễn Kim S đã dùng thủ đoạn lén lút để trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu BEFORE ALL 133S của bà Nguyễn Thị K trị giá 3.000.000 đồng. Sau đó, S đã bán cho Đặng Văn V với giá 1.000.000 đồng. Đặng Văn V biết chiếc xe đạp điện trên là tài sản do S trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý mua, sau đó V bán lại cho ông Dương Văn T với giá 1.400.000 đồng để hưởng lợi số tiền 400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Kim S trộm cắp tài sản giá trị 3.000.000 đồng được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đã phạm vào Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Đặng Văn V đồng ý mua tài sản do Nguyễn Kim S trộm cắp được đã phạm vào tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về những tội danh theo các điều luật đã được Viện dẫn tại Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do hám lợi nên đã cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, gây thiệt hại đến tài sản của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Kim S phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đã áp dụng làm tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đặng Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Kim S đã tự nguyện dùng số tiền 550.000 đồng bị cáo có được do bán chiếc xe để cùng anh Phạm Danh Q1 chuộc lại xe trả bà K nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo S được bà K xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Văn V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền 1.400.000 đồng dùng vào Việc mua, bán chiếc xe đạp điện mà bị cáo S trộm cắp nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo Nguyễn Kim S nhân thân có 02 tiền án chưa được xóa án tích, 01 tiền án đã được xóa án tích và đã từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc thể hiện bị cáo có nhân thân rất xấu, liên tục phạm tội. Bị cáo Đặng Văn V nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về dân sự: Bà Nguyễn Thị K đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe đạp điện và không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Phạm Danh Q1 không yêu cầu S bồi hoàn số tiền 950.000 đồng đã bỏ ra để mua lại chiếc xe đạp điện. Bị can Đặng Văn V tự nguyện giao nộp số tiền 1.400.000 đồng từ Việc bán xe đạp điện và không yêu cầu S phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng mà V đã trả cho S để mua chiếc xe đạp điện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp:

* Xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là chiếc xe đạp điện nhãn hiệu BEFOREALL 113S, số khung: VD03725, đã qua sử dụng do bà K tự nguyện giao nộp: Ngày 28/7/2023 Cơ

quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bà Nguyễn Thị K chiếc xe là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

- Đối với vật chứng là chiếc thẻ Micro 64Gb do bà Phạm Thị Q tự nguyện giao nộp có giá trị chứng minh tội phạm, bà Q không yêu cầu trả lại nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

* Áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.400.000 đồng do bị cáo Đặng Văn V tự nguyện giao nộp, trong đó có 1.000.000 đồng V dùng để mua chiếc xe đạp điện của S trộm cắp và 400.000 đồng là tiền lãi do V bán chiếc xe cho ông T. Xét đây là tiền V dùng vào Việc phạm tội và tiền V hưởng lợi bất chính nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Tại Khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Xét các bị cáo đều làm nghề tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, bị cáo S hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về những vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với chị Phạm Thị Q là người trực tiếp trả tiền mua xe đạp điện cho S. Quá trình điều tra làm rõ, khi S và V trao đổi mua bán xe đạp điện thì chị Q không có mặt, không biết được nguồn gốc của chiếc xe đạp điện trên. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý chị Q vai trò đồng phạm với Đặng Văn V về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

- Đối với ông Dương Văn T là người mua chiếc xe đạp điện từ Đặng Văn V. Quá trình điều tra xác định, khi mua xe đạp điện ông T không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

- Đối với người đàn ông đi xe máy Dream kéo giúp xe đạp cho S đến nhà Đặng Văn V để bán xe đạp điện. Quá trình điều tra xác định S không trao đổi gì với người này về nguồn gốc của chiếc xe đạp điện, sau khi bán xe cũng không trả tiền công hay lợi ích vật chất khác cho người này. Hiện không rõ nhân thân, lai lịch của người này. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với người đàn ông này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của

UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kim S phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Đặng Văn V phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Áp dụng Điểm g khoản 2 Điều 173; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Kim S (X): Xử phạt bị cáo **36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 19/07/2023.**

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn V: Xử phạt bị cáo **06 (Sáu) tháng** tù cho hưởng án treo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Văn V cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý V phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo đã được hưởng.

3. Về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ Micro 64Gb do bà Nguyễn Thị Q tự nguyện giao nộp.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.400.000 đồng do bị cáo Đặng Văn V tự nguyện giao nộp hiện đang lưu giữ trong tài khoản số 2213203000019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, thành phố Hà Nội mở tại 01204046-NHNo X - Hà Nội II do Công an huyện X, thành phố Hà Nội thanh toán theo Lệnh thanh toán ngày 07/12/2023.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về Q1 kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo và người bị hại là bà Nguyễn Thị K có Q1 kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Q có Q1 kháng cáo phần bản án liên quan đến Q1 lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn T và anh Phạm Danh Q1 có Q1 kháng cáo phần bản án liên quan đến Q1

lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. X, TP Hà Nội;
- Công an huyện X, TP Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.X, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. X, TP Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương

